

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST

Ngày 07-8-2023

V/v: *Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Na Na

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Võ Đức Dũng

- Ông Nguyễn Tấn Bốn

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim A, sinh năm 2000;

Chỗ ở hiện nay: Số /14 L, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh Huỳnh Thế Q, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa: Chị A, anh Q đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2023 và bản tự khai ngày 24/3/2023; Biên bản làm việc; tại phiên hòa giải ngày 13/6/2023 nguyên đơn chị Trần Thị Kim A trình bày:

Nguyên đơn chị A và bị đơn anh Q tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, ngày 11/12/2020 chị A và anh Q có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã N, huyện T. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Q thiếu sự quan tâm chăm sóc, chia sẻ với chị A,

nên tình cảm giữa chị A và anh Q bị rạn nứt, cả chị A và anh Q đều không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến cuộc hôn nhân không có hạnh phúc.

Nay xét thấy tình cảm giữa chị A và anh Q không còn yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được, chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Chị A và anh Q có 01 con chung, cháu Huỳnh Ngọc Khánh M, sinh ngày 31-7-2020. Khi ly hôn chị A yêu cầu được nuôi con chung cháu Huỳnh Ngọc Khánh M, chị A không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về nợ chung, tài sản chung: Chị A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai ngày 06/5/2023; biên bản làm việc và tại phiên hòa giải ngày 13/6/2023; bị đơn anh Huỳnh Thế Q trình bày:*

- Bị đơn anh Huỳnh Thế Q thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân giữa bị đơn với nguyên đơn. Bị đơn với chị A đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 11/12/2020. Trong quá trình sống chung, bị đơn với nguyên đơn có phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay bị đơn với nguyên đơn không ai quan tâm đến ai, phần ai nấy sống. Vì vậy, tình cảm giữa bị đơn với nguyên đơn không còn hạnh phúc, bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

- Về con chung: Giữa bị đơn với nguyên đơn có 01 con chung, cháu Huỳnh Ngọc Khánh M, sinh ngày 31- 7- 2020. Khi ly hôn bị đơn yêu cầu được nuôi con chung cháu Huỳnh Ngọc Khánh M, bị đơn không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bị đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn.

**Tại biên bản xác minh ngày 10/6/2023 của Tòa án với Hội liên hiệp phụ nữ xã N, huyện T thể hiện:*

Việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh Q thì Hội Liên hiệp phụ nữ xã N không biết nguyên nhân. Vì chị A, anh Q không báo cáo gì về tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng khi có mâu thuẫn hoặc bất đồng quan điểm sống. Theo giấy tờ của cháu M, hiện nay cháu M chưa đủ 36 tháng tuổi (cháu M sinh ngày 31-7-2020). Do đó, cần giao con chung cháu Huỳnh Ngọc Khánh M cho chị A là người trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, 58; 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và đề nghị tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và giao cháu Huỳnh Ngọc Khánh M cho nguyên đơn là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung đều trình bày không có, nên đề nghị không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Huỳnh Thế Q đang cư trú tại xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim A với anh Huỳnh Thế Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 11/12/2020 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T nên hôn nhân giữa chị A và anh Q là hôn nhân hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trên cơ sở lời khai của chị A, anh Q và kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Trong quá trình chung sống, giữa chị A và anh Q có mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, hai bên không có tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn không hòa giải được. Chị A và anh Q đã sống ly thân hơn 01 năm. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị A yêu cầu được ly hôn anh Q, còn anh Q đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A và anh Q theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị A với anh Q xác nhận có 01 con chung là cháu Huỳnh Ngọc Khánh M, sinh ngày 31- 7- 2020. Hiện nay cháu M đang sống cùng với chị A và anh Q tại gia đình nhà chồng. Khi ly hôn chị A và anh Q đều có nguyện vọng được nuôi cháu Huỳnh Ngọc Khánh M.

Hội đồng xét xử thấy rằng, tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cháu Huỳnh Ngọc Khánh M mới chỉ 36 tháng 07 ngày tuổi. Như vậy cháu M còn rất nhỏ, mọi sinh hoạt của cháu M đều cần có sự giúp đỡ của cha mẹ.

Xét điều kiện chăm lo cho cháu M của chị A, anh Q thấy rằng, chị A làm nghề chăm sóc tóc có thu nhập thực tế hàng tháng trên 6.000.000đồng, qua công việc chị A đang làm thấy chị A sẽ thực hiện việc chăm lo cho cháu M tốt hơn anh Q, bởi chị có nơi làm việc ổn định, đồng thời qua việc làm hàng ngày, chị A có thể đưa đón cháu M khi đi học và lo cho cháu ăn uống, ngủ chơi đúng giờ

giấc, còn anh Q làm công việc tự do, thu nhập không ổn định, do đó việc chăm lo cho cháu M không thể bằng chị A. Mặt khác, cháu M là con gái, nên cần có việc giáo dục giới tính cho khi đến tuổi. Ngoài ra, từ khi cháu M được sinh ra, chị A là người có thời gian chăm sóc cháu M nhiều hơn anh Q, do đó để ổn định tinh thần, tránh sự xáo trộn, gây ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của cháu M, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Huỳnh Ngọc Khánh M, sinh ngày 31/7/2020 cho chị A trực tiếp nuôi dạy.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Trong quá trình nuôi cháu M, trường hợp xảy ra phải thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung, nên anh Q không phải cấp dưỡng nuôi cháu M.

Trong quá trình nuôi cháu M, trường hợp khi có lý do chính đáng, chị A, anh Q có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn đều trình bày không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị A và anh Q phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị A tự nguyện nộp thay phần án phí cho anh Q, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị A đã nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004800 ngày 01/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị Kim A số tiền 150.000đồng theo biên lai trên.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 55; 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Kim A và anh Huỳnh Thế Q.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Ngọc Khánh M, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2020 là con chung của chị Trần Thị Kim A và anh Huỳnh Thế Q cho chị Trần Thị Kim A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Trong quá trình nuôi cháu M, trường hợp xảy ra phải thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.1. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Huỳnh Thế Q không phải cấp dưỡng cho chị Trần Thị Kim A nuôi cháu Huỳnh Ngọc Khánh M.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Chị A và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị A và anh Q phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị A tự nguyện nộp thay phần án phí cho anh Q, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị A đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004800 ngày 01/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị Kim A số tiền 150.000đồng theo biên lai trên.

5. Quyền kháng cáo: Chị A, anh Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07-8-2023).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã N;
- Đường sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Na Na

